

Số: 17 /QĐ-MN8

Tân Bình, ngày 04 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách quý 4 năm 2021  
của Trường Mầm Non 8**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính- Kế hoạch Quận Tân Bình,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách quý 4 năm 2021 của trường Mầm Non 8 (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, ...

**HIỆU TRƯỞNG**



**Ngô Thị Thúy Vân**



Tân Bình, ngày 04 tháng 01 năm 2022

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2021**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non 8 công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4/2021 như sau:

*ĐV tính: Triệu đồng*

| Số TT | Nội dung                                    | Dự toán năm | Ước thực hiện quý IV năm 2021 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                           | 3           | 4                             | 5                                   | 6                                                                       |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |             |                               |                                     |                                                                         |
| I     | Số thu phí, lệ phí                          |             |                               |                                     |                                                                         |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại            |             |                               |                                     |                                                                         |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước       |             |                               |                                     |                                                                         |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước              |             |                               |                                     |                                                                         |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                  | 6.095       | 1.226                         | 20,11%                              | 98,16%                                                                  |
| 1     | Chi quản lý hành chính                      |             |                               |                                     |                                                                         |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ         |             |                               |                                     |                                                                         |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề | 6.095       | 1.226                         | 20,11%                              | 98,16%                                                                  |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              | 4.916       | 965                           | 19,63%                              | 98,47%                                                                  |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        | 1.179       | 261                           | 22,14%                              | 97,03%                                                                  |

Hiệu trưởng



Ngô Thị Thúy Vân





Tân Bình, ngày 04 tháng 01 năm 2022

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC QUÝ 4 NĂM 2021**

|                                                       |                         |
|-------------------------------------------------------|-------------------------|
| <b>I. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 13):</b> | <b>704.675.995 đồng</b> |
| - Tiền lương                                          | : 322.914.210 đồng      |
| - Phụ cấp lương                                       | : 113.589.659 đồng      |
| - Tiền thưởng                                         | : 12.880.000 đồng       |
| - Các khoản thanh toán CN                             | : 1.464.545 đồng        |
| - Các khoản đóng góp                                  | : 77.716.212 đồng       |
| - Thanh toán dịch vụ công cộng                        | : 34.850.139 đồng       |
| - Vật tư văn phòng                                    | : 25.054.000 đồng       |
| - Thông tin tuyên truyền liên lạc                     | : 1.897.288 đồng        |
| - Khoản công tác phí                                  | : 3.000.000 đồng        |
| - Chi phí thuê mướn                                   | : 10.500.000 đồng       |
| - Chi phí học tập                                     | : 1.600.000 đồng        |
| - Sửa chữa trang thiết bị vi tính, chuyên môn         | : 42.126.000 đồng       |
| - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn                        | : 649.000 đồng          |
| - Chi hỗ trợ thôi việc                                | : 56.434.942 đồng       |

|                                                        |                           |
|--------------------------------------------------------|---------------------------|
| <b>II. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 14):</b> | <b>: 260.605.252 đồng</b> |
| - Chi chênh lệch MLCS theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP  | : 129.363.885 đồng        |
| - Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018       | : 131.241.367 đồng        |

**III. Kinh phí hoạt động không thường xuyên (nguồn 12):**

*Đvt: đồng*

| STT | Nội dung                         | Thực hiện          | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|--------------------|---------|
| A   | B                                | I                  | 2       |
|     | <b>C622-L070-K071</b>            |                    |         |
| 1   | Trợ cấp tiền tết 2021            | 0                  |         |
| 2   | Chi phí hỗ trợ học tập chính trị | 0                  |         |
| 3   | Lương chênh lệch 280.000         | 260.946.290        |         |
| 4   | Hỗ trợ miễn giảm học phí         | 0                  |         |
| 5   |                                  |                    |         |
|     | <b>Cộng</b>                      | <b>260.946.290</b> |         |

